

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019

Thực hiện Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019; Thực hiện Quyết định 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Hướng Hóa năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Kiểm tra để giám sát, đánh giá chất lượng và tiến độ thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kịp thời nắm bắt tình hình và phát hiện những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc để có biện pháp xử lý, góp phần đẩy mạnh hiệu quả công tác CCHC.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai công tác CCHC và việc tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, công dân giải trình với cấp có thẩm quyền về việc giải trình thủ tục hành chính.

- Kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo có chất lượng, hiệu quả; quá trình kiểm tra phải đảm bảo khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế khách quan về công tác CCHC tại địa phương, đơn vị.

- Nắm bắt tình hình triển khai hoạt động công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, để có sơ xem xét, đánh giá xếp loại Chỉ số CCHC, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét khen thưởng thi đua cuối năm 2019.

- Phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn được kiểm tra: Cử cán bộ, công chức có trách nhiệm nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ để phối hợp và cung cấp các thông tin, hồ sơ, biểu mẫu cho Đoàn Kiểm tra.

Đối với các thành viên Đoàn kiểm tra: Sắp xếp công việc chuyên môn tham gia theo đúng thời gian để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung, kế hoạch đã đề ra; kết thúc mỗi đợt kiểm tra tổng hợp,

báo cáo UBND huyện nhằm kịp thời chấn chỉnh các sai sót, tháo gỡ khó khăn vướng mắc tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

Qua kiểm tra phải rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC trong thời gian tới. Đồng thời kiến nghị, đề xuất với lãnh đạo các cấp liên quan để nâng cao chất lượng CCHC của huyện.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2019, cụ thể:

- Kiểm tra công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC.
- Kiểm tra các lĩnh vực của CCHC: Thẻ chế; thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tài chính công ; hiện đại hóa nền hành chính; trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- + Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- + Việc thực hiện Kế hoạch số 441/KH-UBND ngày 22/10/2018 của UBND huyện về việc thực hiện khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- + Việc thực hiện Kế hoạch số 270/KHHĐ-UBND ngày 06/6/2018 về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh huyện Hướng Hóa trong năm 2018, định hướng đến năm 2020.

- + Việc thực hiện Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 12/3/2019 của UBND huyện về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

- + Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 08/3/2019 của UBND huyện về tuyên truyền cải cách hành chính.

- + Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 89/KH-UBND-BDVHU ngày 14/3/2019 của UBND huyện và Ban Dân vận Huyện Ủy về thực hiện “ Năm dân vận chính quyền” 2019.

- + Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Điều 2 về sửa

đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- + Kiểm tra việc tự kiểm tra công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị
- + Việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2019;
- + Việc báo cáo cải cách hành chính (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm);
- + Công tác triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo trong công tác cải cách hành chính; kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính hoặc nằm trong kế hoạch cải cách hành chính; việc xây dựng kế hoạch ban hành VBQPPL của UBND cấp xã; Việc xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống VBQPPL; Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC cấp xã...;
- + Tổ chức triển khai văn bản QPPL của cấp trên tại xã;
- + Niêm yết công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định;
- + Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2019;
- + Thông báo về việc phân công đối với công chức tại UBND các xã.
- + Việc đăng nhập thông tin báo cáo TTHC.
- + Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã.
- + Việc xây dựng thông tin cán bộ, công chức đơn vị.
- + Việc bố trí, sử dụng cán bộ công chức cấp xã.
- + Việc ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- + Kiểm tra sổ theo dõi công tác giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền.
- + Tổng số, tiến độ giải quyết TTHC từ 01/01/2019 đến thời điểm kiểm tra.
- + Kiểm tra việc thu phí, lệ phí trong giải quyết TTHC.
- + Việc bố trí cán bộ, công chức.
- + Tình hình triển khai thực hiện nâng cao chỉ số ISO, PCI, PAPI, SIPAS
- + Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

III. HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Hình thức kiểm tra

- Kiểm tra trực tiếp: UBND huyện thành lập Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn
- Tự kiểm tra: Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn: Tự kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị theo các nội dung của đề cương và hoàn thiện báo cáo gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) theo đúng quy định.

2. Đối tượng, thời gian kiểm tra

- **Đối tượng kiểm tra:** Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tại 12 cơ quan, đơn vị gồm các phòng ban chuyên môn và UBND các xã thị trấn.

- **Thời gian:** Dự kiến quý III và quý IV năm 2019

(Về cơ quan, đơn vị và thời gian kiểm tra cụ thể sẽ có thông báo của Đoàn Kiểm tra công tác CCHC huyện).

3. Thành phần Đoàn kiểm tra của UBND huyện

- Lãnh đạo Phòng Nội vụ và công chức phụ trách cải cách hành chính của Phòng Nội vụ huyện Hướng Hóa.

- Đại diện lãnh đạo và chuyên viên phụ trách bộ phận một cửa Văn phòng HĐND và UBND huyện;

- Đại diện Phòng Tư pháp huyện;

- Đại diện Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;

- Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

- Đại diện Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thủ trưởng các phòng, ban huyện, Chủ tịch UBND các xã thị trấn

a. Căn cứ vào Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tự kiểm tra và báo cáo định kỳ về UBND huyện (qua phòng Nội vụ).

b. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ báo cáo, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

c. Thủ trưởng các phòng, ban huyện là thành viên Đoàn kiểm tra: có trách nhiệm cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn kiểm tra; tham mưu UBND huyện nội dung kiểm tra theo lĩnh vực chuyên môn gửi về Phòng Nội vụ tổng hợp; Phối hợp tốt với cơ quan chủ trì thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra này.

2. Phòng Nội vụ

- Tham mưu thời gian kiểm tra cụ thể và thông báo thời gian kiểm tra tới các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

- Hướng dẫn đề cương báo cáo cụ thể nội dung kiểm tra để các cơ quan đơn vị chuẩn bị nội dung, báo cáo, đảm bảo yêu cầu đặt ra.

- Lập biên bản kiểm tra đầy đủ và lưu trữ theo đúng quy định.

- Cử thư ký đoàn kiểm tra, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thông qua Trưởng đoàn kiểm tra và báo cáo về UBND huyện.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn: Xây dựng kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2019 của đơn vị mình, báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn phản ánh về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) để tổng hợp trình UBND huyện giải quyết. / *ban*

Nơi nhận

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Đặng Trọng Vân



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019
của UBND huyện Hương Hóa)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính; công tác tuyên truyền về CCHC:

a. Về xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC:

- Việc xây dựng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.
- Kết quả triển khai, thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện các nội dung của kế hoạch.

b. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC:

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, triển khai các văn bản của tỉnh, huyện.
- Về tổ chức Hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại địa phương, đơn vị.

- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính.

c. Công tác kiểm tra cải cách hành chính:

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn;
- Việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra (số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đã xử lý/đã thực hiện).

d. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

Báo cáo về công tác tuyên truyền CCHC của đơn vị gồm các nội dung sau:

- Kế hoạch tuyên truyền CCHC.
- Số lượng tin, bài tuyên truyền CCHC tương ứng với các hình thức tuyên truyền (trên đài, báo chí, trên website, hình thức khác).

e. Công tác tự kiểm tra và khắc phục những kết luận của Đoàn kiểm tra

- Báo cáo việc tự kiểm tra công tác CCHC của cơ quan, đơn vị (kèm theo hồ sơ tự kiểm tra của năm 2019).
- Kết quả khắc phục kết luận của Đoàn kiểm tra công tác CCHC trong thời gian từ năm 2015-2019.

2. Cải cách thể chế:

a. Hoàn thiện về hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý Nhà nước:

Số văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đã ban hành mới (hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành). Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành, tham mưu ban hành.

b. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

- Tình hình rà soát các văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát.

- Tình hình rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND cấp xã ban hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát (đối với UBND xã, thị trấn)

c. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL tại UBND các xã, thị trấn:

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản QPPL tại UBND các xã, thị trấn; trong đó nêu rõ số văn bản QPPL phải triển khai thực hiện tại địa phương theo quy định, số lượng văn bản QPPL đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Tình hình thực hiện tự kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL tại UBND các xã, thị trấn; nêu rõ số văn bản QPPL được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản QPPL hiện hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

1.3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành, UBND tỉnh, UBND huyện.

b. Kiểm soát thủ tục hành chính:

- Rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC.

- Số lượng TTHC đã đề nghị cấp trên sửa đổi, bãi bỏ; số lượng TTHC mới ban hành.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của các cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn (tổng số, đã xử lý/đã thực hiện).

- Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo: Thời gian và nội dung theo yêu cầu (Bao gồm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên)

c. Về công khai thủ tục hành chính

- Việc thực hiện công khai TTHC: Tính đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, sử dụng trong việc công khai các TTHC theo quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC cho cá nhân và tổ chức; các hình thức công khai.

d. Giải quyết TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, Bộ, ngành, UBND tỉnh, huyện.

- Kiểm tra việc giải quyết TTHC: Kiểm tra thực tế một số hồ sơ giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của cơ quan, đơn vị được kiểm tra.



- Kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật: việc cấp giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, phiếu chuyển hồ sơ, quá trình giải quyết hồ sơ...

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, tổng số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn (trong đó có ... hồ sơ trước hạn), tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn, nguyên nhân quá hạn.

- Việc thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC theo quy định tại thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 441/KH-UBND ngày 22/10/2018 về thực hiện khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Hương Hóa.

- Việc công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín hoặc thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

1.4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước:

- Tình hình quản lý và sử dụng biên chế theo vị trí việc làm, phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tình hình tổ chức, hoạt động của các tổ chức: Hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các đơn vị

- Tình hình thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy.

1.5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC):

a. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức (sử dụng, thực hiện các chế độ, chính sách đối với CBCC, VC tại đơn vị)

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, giải pháp đổi mới trong công tác quản lý, đánh giá, khen thưởng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Chất lượng đội ngũ CBCC, VC thuộc thẩm quyền UBND các xã, thị trấn quản lý.

b. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Tổng số CBCC, VC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong đó, số lượng công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng).

c. Về cán bộ, công chức cấp xã

- Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó, nêu rõ số lượng và tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng và tỷ lệ % số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập

huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

d. Về phân cấp quản lý

Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý CBCC, VC theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về việc phân cấp quản lý nhà nước giữa chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Kế hoạch 1130/KH-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh.

1.6. Về cải cách tài chính công

- Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý sử dụng tài sản công.

- Mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức (nếu có).

1.7. Hiện đại hóa hành chính

a. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính

- Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương, đơn vị. Đề nghị nêu rõ tình hình sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc; tình hình khai thác, sử dụng và cập nhật thông tin CBCC, VC trên trang điện tử <http://thongtinccvc.quangtri.gov.vn>.

- Về cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với tổ chức, công dân (thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4).

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dụng trong công tác chỉ đạo, điều hành và gửi nhận văn bản điện tử.

b. Việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 và Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh.

c. Tình hình xây dựng trụ sở làm việc của các xã, thị trấn.

1.8. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Nêu các lĩnh vực, công việc thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại UBND các xã, thị trấn (Nêu cụ thể số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông/tổng số TTHC).

- Việc bố trí, phân công công tác cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của địa phương, đơn vị.

- Ban hành Quy chế quy định quy trình tiếp nhận, chuyển hồ sơ xử lý trình ký trả lại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trách nhiệm của bộ phận liên quan trong việc thực hiện cơ chế một cửa; trách nhiệm của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương, đơn vị (đạt yêu cầu/chưa đạt yêu cầu), biên hiệu Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, phiếu chuyển hồ sơ, phiếu nhận hồ sơ, sổ theo dõi giải quyết...

- Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại UBND các xã, thị trấn (số lượng hồ sơ đã nhận, số lượng hồ sơ đã giải quyết; sớm hẹn, đúng hẹn, trễ hẹn. Nêu cụ thể kết quả đã thực hiện cho đến thời điểm kiểm tra).

- Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân khi đến giao dịch hành chính.

1.9. Việc duy trì và nâng cao chỉ số liên quan đến công tác CCHC: Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT